TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/DS - ST
Ngày 25 tháng 10 năm 2019
"V/v Tranh chấp Hợp đồng mua bán xi măng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành
2. Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Quang Ân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về "***Tranh chấp Hợp đồng mua bán xi măng***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST - DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số 786/TB – TA ngày 09/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn HV

Địa chỉ: 104C đường T, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức T, sinh năm 1992

Địa chỉ: 13 ND, tổ 7, phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai

(Giấy ủy quyền ngày 21/5/2019)

Có mặt

2.*Bị đơn*: Ông Phan Văn K

Địa chỉ: 380 HV, thị trấn CS, huyện CS, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019, bản tự khai ngày 22/5/2019, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn HHV ông Lê Đức T trình bày:

Vào ngày 01/01/2018 tại văn phòng Công ty trách nhiệm hữu hạn HV (viết tắt Công ty HV), Công ty HV và Vật liệu xây dựng KL do ông Phan Văn K chủ cửa hàng ký kết hợp đồng kinh tế "V/v mua bán xi măng" số 05/HĐKT – HV. Theo đó Công ty HV bán xi măng bao PCB 40 Kaito cho ông Phan Văn K. Theo Sổ mua hàng trong giai đoạn từ ngày 14/01/2018 đến 13/5/2018 Công ty HV đã giao đến Cửa hàng Vật liệu xây dựng KL 05 lần với tổng số lượng xi măng là 125 tấn với giá tiền là 1.160.000 đồng/tấn tương ứng với số tiền 145.000.000 đồng còn từ ngày 08/6/2018 đến ngày 21/01/2019 Công ty HV chỉ nhận tiền thanh toán nợ chứ không tiếp tục giao xi măng. Trước năm 2018 bên phía Cửa hàng Vật liệu xây dựng KLvẫn còn nợ Công ty HV 125.019.000 đồng. Sau đó trong quá trình giao nhận hàng bên Cửa hàng Vật liệu xây dựng KL vừa nhận hàng vừa thanh toán một phần tiền hàng và chốt đến ngày 21/01/2019 số tiền còn nợ là 110.019.000 đồng. Đến ngày 31/3/2019 hai bên đã đối chiếu công nợ với nhau theo đó ông Phan Văn K – Chủ vật liệu xây dựng KL còn nợ lại Công ty HV số tiền 110.019.000 (Một trăm mười triệu không trăm mười chín nghìn) đồng. Ông K đã cam kết thanh toán số nợ trên cho Công ty HV trong thời hạn sớm nhất. Tuy nhiên từ đó cho đến nay ông Phan Văn Ki không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho Công ty HV như đã cam kết. Mặc dù nhiều lần Công ty HV đã yêu cầu ông Phan Văn K – Chủ vật liệu xây dựng KL phải có nghĩa vụ thành toán nhưng ông K cứ hẹn mà không chịu trả.

Tuy trong sổ mua hàng mỗi lần nhận hàng và thanh toán tiền có lúc do bà Phạm Thị B vợ của ông Phan Văn K ký chữ ký "Lê" có lúc do ông Phan Văn K ký chữ ký nhưng thực chất từ thời điểm ký kết hợp đồng bên Công ty HV giao kết hợp đồng với cá nhân ông Phan Văn K với tư cách là chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng KL và đối chiếu công nợ cũng chỉ với ông Phan Văn K. Vì vậy, nay Công ty HV yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết buộc ông Phan Văn K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty HV số tiền gốc là 110.019.000 (Một trăm mười triệu không trăm mười chín nghìn) đồng và tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Phan Văn K:

Ông Phan Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ông Phan Văn K trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn HV nhưng ông Phan Văn K không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn HV ông Lê Đức T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn ông Phan Văn K, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng chưa bảo đảm.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn HV, buộc ông Phan Văn K phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn HV số tiền 116.283.971 (Một trăm mười sáu triệu hai trăm tám mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi mốt) đồng trong đó có 110.019.000 đồng tiền nợ gốc và 6.264.971 đồng tiền lãi tính đến thời điểm xét xử. Ông Phan Văn K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do ông Phan Văn Ki vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua xi măng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn HV theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2019 nên Công ty trách nhiệm hữu hạn HV đã phát sinh quyền khởi kiện.

Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng kinh tế "V/v mua bán xi măng" số 05/HĐKT – HV ngày 01/01/2018 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn HV và Vật liệu xây dựng KL do ông Phan Văn K đại diện. Cửa hàng Vật liệu xây dựng KL tại 380 HV, thị trấn CS, huyện CS, tỉnh Gia Lai là nơi đặt trụ sở chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên KL do bà Phạm Thị B làm đại diện theo pháp luật tuy nhiên Hợp đồng số 05/HĐKT – HV ngày 01/01/2018 lại có nội dung và hình thức không liên quan đến Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên KL. Do đó chỉ có căn cứ xác định đây là tranh chấp giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn HV và cá nhân không Phan Văn K nên đây là tranh chấp dân sự; trong Hợp đồng các bên thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố P là nơi giải quyết tranh chấp nên dù ông Phan Văn K cư trú trên địa bàn huyện CS, tỉnh Gia Lai thì thẩm quyền giải quyết vẫn thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo sự lựa chọn về lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Phan Văn K đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông K vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Văn K.

[2] Hợp đồng kinh tế "V/v mua bán xi măng" số 05/HĐKT – HV ngày 01/01/2018 được lập giữa "ĐẠI DIỆN BÊN A (BÊN BÁN): CÔNG TY TNHH HV" và "ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN MUA): VẬT LIỆU XÂY DỰNG KL"; bên dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" có chữ ký và ghi tên Phan Văn K. Ông Phan Văn K lấy chức danh Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng KL tham gia ký kết hợp đồng và chủ thể tham gia giao kết là Vật liệu xây dựng KL. Từ chủ thể và đại diện tham gia giao kết hợp đồng đều không dẫn đến mối quan hệ về mặt pháp lý với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên KL do bà Phạm Thị B làm đại diện hợp pháp. Mặc dù Vật liệu xây dựng KL và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên KL chung một địa điểm kinh doanh nhưng đăng ký địa chỉ trụ sở chính theo đúng quy định của

pháp luật chỉ có Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên KL. Như vậy Vật liệu xây dựng KL chỉ là tên dùng để giao dịch chưa được đăng ký loại hình doanh nghiệp dẫn đến ông Phan Văn K dù sử dụng tên chủ thể là Vật liệu xây dựng KL nhưng thực chất đã dùng tư cách cá nhân tiến hành giao dịch mua bán xi măng với Công ty TNHH HV.

Nội dung của Hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT – HV ngày 01/01/2018 đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 398 Bộ luật Dân sự năm 2015; chủ thể giao kết là Vật liệu xây dựng KL không đúng quy định của pháp luật do sự nhầm lẫn của các bên giao kết nhưng mục đích của việc giao kết là mua bán xi măng vẫn được thực hiện thông qua ghi chép trong sổ mua hàng; bản thân ông Phan Văn K ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng kinh tế "V/v mua bán xi măng" số 05/HĐKT – HV ngày 01/01/2018 vẫn có hiệu lực pháp luật.

Do các nội dung cơ bản của Hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT – HV ngày 01/01/2018 về số lượng, giá bán không được ấn định cụ thể vào thời điểm giao kết nên số lượng và giá bán xi măng phụ thuộc vào thời điểm giao nhận hàng. Do đó trong Sổ mua hàng lập chi tiết biển số xe giao hàng, số lượng đã giao, giá tiền của hàng hóa vào thời điểm giao và số tiền mặt đã trả và chốt nợ cho từng lần giao hàng và được xác nhận nợ. Sổ mua hàng lập riêng cho Đơn vị KL thể hiện quá trình mua bán từ trước năm 2018 thậm chí không ghi năm chỉ ghi ngày tháng giao nhận hàng, tiền. Tuy nhiên căn cứ trang đánh số 04 có ghi ngày "5/2/17" điều đó đồng nghĩa thời gian tiếp theo là của năm 2017 cho đến ngày "12/1" (trang 06) tuy không ghi năm nhưng vẫn xác định được đây là thời điểm bắt đầu giao nhận hàng trong năm 2018 theo Hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT – HV ngày 01/01/2018. Như vậy trong năm 2018 các bên chỉ tiến hành mua bán hàng hóa đến tháng 5/2018 sau đó chỉ là thanh toán nợ và thời hạn chốt nợ đến cuối cùng là 21/01/2019. Dựa theo số liệu được ghi chép trong Sổ mua hàng từ này "12/1" đến "21/1/2019" từ số lượng hàng hóa đã bán đến số tiền đã trả đều phù hợp với số nợ được chốt cuối cùng là 110.019.000 đồng. Địa chỉ 380 HV, thị trấn CS, huyện CS, tỉnh Gia Lai vừa là nơi kinh doanh vừa là nơi cư trú của gia đình ông Phan Văn K đã được chính quyền địa phương xác nhận nên việc người nhà ông Phan Văn K nhận hàng và trả tiền sau đó xác nhận nợ trong sổ mua hàng thay ông K là có cơ sở. Theo văn bản giải trình Sổ mua hàng của nguyên đơn thì bản thân ông K đã ký xác nhận vào sổ mua hàng vào ngày 8/6, 10/7, 22/11, 9/1/2019 sau đó đến Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2019 ông Phan Văn K vẫn tiếp tục xác nhận nợ Công ty TNHH HV số tiền 110.019.000 (Một trăm mười triệu không trăm mười chín nghìn) đồng. Việc bà Phạm Thị B - vợ ông Phan Văn K ký chữ ký "Lê" trong sổ mua hàng không đồng nghĩa ràng buộc trách nhiệm liên đới của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên KL mà chỉ thể hiện khía cạnh nhận hàng và giao tiền thay cho ông Phan Văn K.

Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2019 có nội dung *"...tính đến ngày 31/3/2019 Vật liệu xây dựng KL còn nợ Công ty TNHH HV số tiền là 110.019.000 đồng*"; bên dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" có chữ ký và ghi tên Phan Văn K. Tương tự như Hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT – HV ngày 01/01/2018, Hội đồng xét xử nhận định ông Phan Văn K xác nhận

công nợ trong trường hợp này là xác nhận cá nhân ông Phan Văn K nợ Công ty TNHH HV số tiền 110.019.000 (Một trăm mười triệu không trăm mười chin nghìn) đồng và cam kết thanh toán bằng hình thức chuyển trả tiền vào tài khoản của Công ty. Trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2019 không ghi rõ là đối chiếu công nợ đối với Hợp đồng nào nhưng thời điểm chốt công nợ là vào ngày 01/01/2019 và nội dung trong biên bản phù hợp với nội dung trong Sổ mua hàng từ giai đoạn 22/11/2018 đến 21/01/2019.

Như vậy có sự liên kết giữa Hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT – HV ngày 01/01/2018, Sổ mua hàng và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2019 và đến thời điểm xét xử chưa có chứng cứ chứng minh chữ ký và ghi tên Phan Văn K trong Hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT – HV ngày 01/01/2018 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2019 không phải do ông Phan Văn K ký và ghi họ tên.

Như vậy hoàn toàn có cơ sở xác định ông Phan Văn K còn nợ Công ty TNHH HV số tiền 110.019.000 (Một trăm mười triệu không tram mười chin nghìn) đồng do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH HV là phù hợp

Do ông Phan Văn K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc Công ty TNHH HV yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là phù hợp quy định tại Điều 357 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Các bên có thỏa thuận về lãi là 1.5%/tháng nhưng thỏa thuận này không phù hợp quy định pháp luật, tại phiên tòa Đại diện ủy quyền của Công ty TNHH HV yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật nên căn cứ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 mức lãi suất làm căn cứ tính lãi là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của Công ty TNHH HV yêu cầu tính lãi từ ngày 31/3/2019 đến ngày xét xử 25/10/2019 là 06 tháng 25 ngày, cụ thể:

110.019.000 đồng x 06 tháng 25 ngày x 10%/năm = 6.264.971 (Sáu triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn chín trăm bảy mươi mốt) đồng

Tổng cộng ông Phan Văn K nợ Công ty TNHH HV 116.283.971 (Một trăm mười sáu triệu hai trăm tám mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi mốt) đồng trong đó có 110.019.000 đồng tiền nợ gốc và 6.264.971 đồng tiền lãi.

Về án phí: Do yêu cầu của Công ty TNHH HV được chấp nhận nên ông Phan Văn K phải chịu án phí 116.283.971 đồng x 5% = 5.814.199 (Năm triệu tám trăm mười bốn nghìn một trăm chín mươi chín) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 357, 398, 430, 431, 432, 433, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 97, Điều 186, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH HV

Buộc ông Phan Văn K phải trả cho Công ty TNHH HV 116.283.971 (Một trăm mười sáu triệu hai trăm tám mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi mốt) đồng trong đó có 110.019.000 đồng tiền nợ gốc và 6.264.971 đồng tiền lãi

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Phan Văn K phải chịu 5.814.199 (Năm triệu tám trăm mười bốn nghìn một trăm chín mươi chín) đồng.

Công ty TNHH HV được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.777.980 (Hai triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi) đồng theo biên lai thu tiền số 0001457 ngày 20/5/2019 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty TNHH HV có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng ông Phan Văn K vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy dịnh tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Thi hành án dân sự thành phố P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**